TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/LĐ-PT
Ngày: 08/4/2024
V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 27 tháng 3 và 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2024/TLPT-LĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 09/2023/LĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2024/TLPT-LĐ ngày 27/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1786/QĐ-PT ngày 26/02/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 2730/QĐPT-LĐ ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Phú C, sinh năm 1983.
Địa chỉ thường trú: T V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: Khu phố C, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An; địa chỉ liên lạc: Số A C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Lam Đ, Luật sư Văn phòng L và Đồng sự, địa chỉ: Số A C, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Trung tâm G.

Địa chỉ trụ sở: Số F H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tiền Mỹ T, sinh năm 1971, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Mai T1, sinh năm 1975, địa chỉ thường trú: 30 T, B'lao, B, Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: Số A C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú: Ấp P, S, D, Tây Ninh; địa chỉ liên lạc: Số A C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn T2, Luật sư Công ty L1, địa chỉ: Số A C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Vũ Phú C là nguyên đơn và Trung tâm G là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2016, các đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Phú C (viết tắt là ông C) và Trung tâm G (viết tắt là Trung tâm) đã nhiều lần ký kết hợp đồng lao động cho chức danh chuyên môn là giáo viên tiếng Hoa, cụ thể: Ngày 30 tháng 12 năm 2009 ký hợp đồng làm việc số 06/GDTXTH/HD2010 có thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010; ngày 30 tháng 12 năm 2010, ký hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 không xác định thời hạn; ngày 28 tháng 12 năm 2012, ký hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 không xác định thời hạn và ngày 30 tháng 8 năm 2015, ký hợp đồng làm việc số 12/GDTXTH/TG2015 có thời hạn 4 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ngày 11 tháng 8 năm 2015, Trung tâm ra Quyết định số 73/QĐ- GDTX.TH về việc chấm dứt hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 đối với ông C kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015, phần lý do chỉ ghi là chấm dứt hợp đồng. Ông C xác định là ông không có thỏa thuận với Trung tâm về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng làm việc nên đã gửi văn bản yêu cầu Trung tâm nêu lý do chấm dứt hợp đồng làm việc với ông nhưng phía Trung tâm chỉ phản hồi là việc chấm dứt hợp đồng lao động là đúng pháp luật và chỉ đồng ý bồi thường số tiền 8.450.000 đồng, bao gồm trợ cấp thôi việc tính từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 12 năm 2008 là 3.450.000 đồng và trợ cấp thêm: 5.000.000 đồng. Trung tâm đồng ý cho ông C làm việc đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hợp đồng làm việc số 12/GDTXTH/TG2015. Thực tế ông C vẫn tiếp tục làm việc cho

đến tháng 02 năm 2016. Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012 thì sau thời hạn 04 tháng, người lao động tiếp tục làm việc thì hợp đồng trên sẽ được chuyển thành hợp đồng xác định thời hạn là 24 tháng. Đến ngày 15 tháng 3 năm 2016, ông C nhận được Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 04/QĐ-GDTX.TH do Trung tâm ký ngày 18 tháng 02 năm 2016 qua bưu điện, nội dung là chấm dứt hợp đồng số 12/GDTXTH/TG2015.

Ông C cho rằng Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015 và Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016 về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với ông không được thực hiện đúng quy định pháp luật, không có lý do và không thực hiện việc báo trước là đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Mức lương trung bình 06 tháng liền kề của ông C trước khi nghỉ việc (từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 01 năm 2016) là 9.000.000 đồng. Vì vậy, ông C khởi kiện, khởi kiện bổ sung yêu cầu Trung tâm có trách nhiệm bồi thường cho ông do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trái quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Thanh P là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu Trung tâm phải bồi thường cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 01 tháng 10 năm 2019 là 629.100.000 đồng, bao gồm các khoản chi phí sau:

1. Đối với Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016:

- Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2017 là 9.000.000 đồng/tháng x 18 tháng = 162.000.000 đồng.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương theo khoản 1, 2 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 9.000.000 đồng/tháng x 02 tháng = 18.000.000 đồng.

- Bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước theo khoản 5 Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012 là 300.000 đồng/ngày x 18 ngày = 5.400.000 đồng.

2. Đối với Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015:

- Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 01 tháng 10 năm 2019 là 9.000.000 đồng/tháng x 43 tháng = 387.000.000 đồng.

- Bồi thường số tiền tương ứng 45 ngày không thông báo trước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012 là 9.000.000 đồng/30 ngày x 45 ngày = 13.500.000 đồng.

Trả tiền lương những ngày nghỉ phép được hưởng nguyên lương tăng thêm do thâm niên theo quy định tại các điều 111, 112 của Bộ luật lao động năm 2012 là 9.000.000 đồng/30 ngày x 02 ngày = 600.000 đồng.

- Trả tiền bồi thường phép năm chưa được nghỉ tính từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 8 năm 2018 là 11 năm 10 tháng tương đương 142 ngày nghỉ hưởng nguyên lương là 9.000.000 đồng/30 ngày x 142 ngày = 42.600.000 đồng.

Ông C không đồng ý trở lại làm việc tại Trung tâm.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, ông C có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Tiếng Hoa trả tiền bồi thường nghỉ phép năm chưa được nghỉ tính từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 5 năm 2020 là 13 năm 10 tháng tương đương 174 ngày nghỉ hưởng nguyên lương: 9.000.000 đồng/30 ngày x 174 ngày = 46.980.000 đồng.

Quá trình tố tụng, những người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 07 tháng 12 năm 2007, ông Vũ Phú C được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H tuyển dụng viên chức (giáo viên trung học môn H) công tác tại Trung tâm G (viết tắt là Trung tâm), thời hạn thử việc 12 tháng, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2007 theo Quyết định về tuyển dụng viên chức số 0104/QĐ-GDĐT-TC. Đến ngày 21 tháng 5 năm 2008, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H chấm dứt hợp đồng làm việc với ông C kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2008 theo Quyết định về chấm dứt hợp đồng làm việc số 510/QĐ-GDĐT-TC. Sau khi chấm dứt hợp đồng viên chức, ông C xin giảng dạy tại Trung tâm vào buổi tối theo dạng hợp đồng thỉnh giảng. Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của phía nguyên đơn về việc từ năm 2009 đến năm 2015, ông C và Trung tâm đã ký kết 04 hợp đồng làm việc bao gồm hợp đồng làm việc số 06/GDTXTH/HD2010 ngày 30 tháng 12 năm 2009; hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010; hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 và hợp đồng làm lao động số 12/GDTXTH TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015. Tuy nhiên, quá trình diễn biến để ký hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 và hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 như sau:

- Về hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012: Trung tâm ký hợp đồng này với ông C là vì kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, bậc lương, hệ số lương và tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội của ông C có điều chỉnh tăng từ bậc 2 lên bậc 3, hệ số lương tăng từ 2,67 lên 3, bảo hiểm xã hội từ 16% lên 17%. Bản chất của Hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 đều là một, đều là không xác định thời hạn, có lợi cho ông C, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 35 của Bộ luật lao động năm 2012.

- Về hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015: Căn cứ vào việc sửa chữa, thu hẹp quy mô Trung tâm và căn cứ Đề án Vị trí việc làm theo kế hoạch chung của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố H, Trung tâm đã có kế hoạch chuyển sang hợp đồng thỉnh giảng với một số giáo viên, trong đó có ông C. Vào

cuối tháng 7 và đầu tháng 8 năm 2015, giữa ông Lưu Thành N – Giám đốc Trung tâm và ông C có trao đổi về quyết định chuyển hình thức hợp đồng từ hợp đồng không xác định thời hạn thành hợp đồng thời vụ có thời hạn 4 tháng. Ông C đã đồng ý với quyết định của Giám đốc Trung tâm và ngay sau đó Trung tâm ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015 để chuyển sang ký hợp đồng lao động có thời hạn 4 tháng. Việc này phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 30 tháng 8 năm 2015, Trung tâm và ông C ký hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 có thời hạn 4 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tất cả 04 hợp đồng nêu trên đều do Giám đốc Trung tâm là ông Lưu Thành N (đã nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2015) và bà Tiền Mỹ T (bổ nhiệm từ ngày 12 tháng 10 năm 2015) ký với ông C.

Về thời hạn kết thúc hợp đồng làm việc, ông C đã được biết trước khi ký hợp đồng số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 và tại cuộc họp ngày 17 tháng 10 năm 2015 có mặt của ông C, bà Tiền Mỹ T có thông báo là hợp đồng làm việc của ông C sẽ chấm dứt khi hết thời hạn 04 tháng này và Trung tâm sẽ không tái ký hợp đồng làm việc với ông C vì hiện tại biên chế của Trung tâm đã đủ, phù hợp với quy mô hiện tại của Trung tâm, tại cuộc họp này, ông C hoàn toàn thống nhất với chủ trương chấm dứt làm việc tại Trung tâm và không có ý kiến gì.

Trong quá trình hai bên thực hiện hợp đồng làm việc, qua sự tự nguyện thỏa thuận và được sự thống nhất của ông C, Trung tâm có ban hành 02 Quyết định: Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015 chấm dứt hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015 (do ông Lưu Thành N ký) và Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016 chấm dứt hợp đồng làm việc số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 (do bà Tiền Mỹ T ký). Sở dĩ, có việc sau khi hết thời hạn làm việc theo Hợp đồng số 12/GDTXTH/TG2015 mà ông C vẫn đến Trung tâm dạy 23 buổi của tháng 01 năm 2016, vì lúc này là thời điểm sắp Tết Nguyên đán, số lượng học viên của Trung tâm cũng thưa thớt nhưng vì ông C đã có thời gian cộng tác với Trung tâm lâu năm, Trung tâm cũng muốn tạo điều kiện cho ông C được nhận quà tết như những cán bộ, viên chức, người lao động khác của Trung tâm cũng như để ông C có thêm ít thu nhập nhằm có cái tết sum vầy, đoàn viên với gia đình được đầy đủ hơn.

Như vậy, đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 thì hợp đồng làm việc số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 chấm dứt căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật lao động năm 2012. Lẽ ra, Trung tâm không ra bất kỳ một quyết định nào khác nhưng do thời điểm tháng 01 và tháng 02 năm 2016 là thời

điểm trước tết và sau tết, nên mọi người đều bận việc gia đình và công việc tại Trung tâm, bà Tiền Mỹ T mới được bổ nhiệm Giám đốc, lúc đó lại đang điều trị bệnh rối loạn tiền đình nên đã có thiếu sót khi ra Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016 về chấm dứt hợp đồng làm việc số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015.

Đơn xác nhận thời gian giảng dạy tại Trung tâm là do ông C gửi và bà Tiền Mỹ T - Giám đốc Trung tâm có xác nhận vào ngày 25 tháng 02 năm 2016 vì ông C nhờ xác nhận để có cơ sở xin visa đi nước ngoài. Với thời gian cộng tác của ông C tại Trung tâm cũng như bản thân ông C là thầy giáo tốt tính, hiền lành nên Lãnh đạo Trung tâm đã tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ ông C nên không chặt chẽ trong việc kiểm tra thời gian, trong khi đơn đề ngày 25 tháng 02 năm 2016 nhưng ghi thời gian công tác là đến ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Trung tâm không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động vì cả hai Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015 và Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016 đều được ông C biết trước và đồng ý chấm dứt nên Trung tâm không phải bồi thường do vi phạm thời hạn báo trước. Chế độ nghỉ phép chỉ được tính trong năm, không được chuyển sang năm sau và không được cộng dồn sang các năm tiếp theo quy định tại mục b, điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 141/2011/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ T4: "Nghỉ phép của năm nào chỉ được thanh toán năm đó".

Hệ số lương của ông C là 3,0 x 1.150.000 đồng = 3.450.000 đồng, việc ông C nêu lương được nhận là 9.000.000 đồng/tháng là không đúng. Trung tâm chấp nhận thanh toán số ngày nghỉ hằng năm của ông C theo hợp đồng làm việc số 12/GDTXTH/TG2015 là (12+1)/12 x 4 tháng = 4 ngày nghỉ, tiền nghỉ phép năm = 3.450.000 đồng/26 ngày x 4 ngày = 530.769 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Luật sư Lê Ngọc Lam Đ, là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Phú C và Trung tâm G (viết tắt Trung tâm) đã ký kết 04 hợp đồng lao động với chức danh chuyên môn là giáo viên tiếng Hoa, gồm: hợp đồng làm việc số 06/GDTXTH/HD2010 ngày 30 tháng 12 năm 2009 có thời hạn 12 tháng từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010; hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 không xác định thời hạn; hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 không xác định thời hạn và hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 04 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mức lương ông C thực lãnh của bình quân 06 tháng liền kề trước khi bị cho nghỉ việc là 8.678.091 đồng. Ngày 11 tháng 8 năm 2018, Trung tâm ra Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH về

việc chấm dứt hợp đồng làm việc 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 với ông C kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015 với lý do là chấm dứt hợp đồng. Sau đó, ngày 18 tháng 02 năm 2016, Trung tâm ra Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 với lý do là chấm dứt hợp đồng. Việc Trung tâm ra 02 quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C như trên là trái quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông C, bởi các lẽ sau:

+ Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 là hợp đồng không xác định thời hạn được các bên tự nguyện ký kết, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực; trong quá trình làm việc giảng dạy tại Trung tâm ông C không có vi phạm phải xử lý kỷ luật. Ông C không có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012, người sử dụng lao động phải thông báo trước 45 ngày khi chấm dứt hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Trung tâm cũng không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc này. Hợp đồng hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 và hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 là hai hợp đồng độc lập; hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 không phải là phụ lục của Hợp đồng hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 nên ý kiến bị đơn cho rằng khi hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 được hai bên thỏa thuận ký kết thì hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 chấm dứt hiệu lực là không có cơ sở và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012 cũng không có điều khoản nào quy định một hợp đồng độc lập đương nhiên mất hiệu lực khi một hợp đồng khác bị chấm dứt hiệu lực. Do đó, Trung tâm ra Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc 05/GDTXTH/HD2011 hay việc ký hợp đồng mới là hợp đồng số 12/GDTXTH/TG2015 không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013.

+ Hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 04 tháng kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 nhưng hết hạn hợp đồng ông C vẫn tiếp tục đi làm, được trả lương và được Giám đốc Trung tâm xác nhận là đã làm việc đến hết tháng 02 năm 2016 nên căn cứ khoản 2 Điều 22 của Bộ luật lao động năm 2012 thì hợp đồng trên chuyển thành hợp đồng lao động có thời hạn là 24 tháng. Tuy nhiên, ngày 18 tháng 02 năm 2016, Trung tâm ra Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 với lý do chấm dứt hợp đồng mà không có thỏa thuận của ông C là đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật vì không tuân thủ thời gian báo trước 30 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện các nghĩa vụ cho nguyên đơn do đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động năm 2012. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trước đây có nhận số tiền 100.000.000 đồng từ phía bị đơn là vượt quá phạm vi được ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn không đồng ý nên trả lại số tiền này cho phía bị đơn. Phía bị đơn cho rằng ông C không đáp ứng điều kiện trở thành giáo viên cơ hữu của Trung tâm chỉ là ý kiến của một phía.

- Ông Huỳnh Thanh P, là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, hợp đồng làm việc mà ông C và Trung tâm thực hiện là hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012, không còn tiếp tục thực hiện theo hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010. Giữa ông C và Trung tâm không có ký phụ lục làm căn cứ tính thù lao và phụ cấp như đã nêu trong các hợp đồng làm việc. Thực tế ông C được Trung tâm chi trả tiền lương bằng tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản số 0331003740632 của ông C mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1. Tiền lương 06 tháng liền kề từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 01 năm 2016 của ông C trước khi nghỉ việc tại Trung tâm lần lượt là: 9.103.550 đồng, 9.662.000 đồng, 9.593.000 đồng, 8.225.000 đồng, 8.198.000 đồng và 7.287.000 đồng, trung bình là 8.678.091 đồng. Từ tháng 9 năm 2015 cho ông C có làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên C1. Ông C không có nguyện vọng tiếp tục làm việc tại T.

Do Trung tâm ra Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH về việc chấm dứt hợp đồng làm việc 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 và Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 là đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên phải có nghĩa vụ trả cho ông C tổng cộng là 980.335.012 đồng, trong đó bao gồm những khoản sau:

+ Đối với Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016: (i) Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2017: 8.678.091 đồng/tháng x 18 tháng = 156.205.638 đồng, (ii) bồi thường 02 tháng tiền lương theo khoản 1 Điều 42 của Bộ luật lao động: 8.678.091 đồng/tháng x 02 tháng = 17.356.182 đồng và (iii) bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước là 18 ngày theo khoản 5 Điều 42 của Bộ luật lao động: 8.678.091 đồng/30 ngày x 18 ngày = 5.206.854 đồng. Tổng cộng là 178.768.674 đồng.

+ Đối với Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015: (i) Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 26 tháng 9 năm 2023: 8.678.091 đồng/tháng x 90 tháng 20 ngày 788.549.202 đồng và (ii) bồi thường số tiền tương ứng 45 ngày không thông báo trước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động. 8.678.091 đồng/30 ngày x 45 ngày = 13.017.136 đồng. Tổng cộng là 801.566.338 đồng.

- Luật sư Nguyễn T2, là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vị giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận ký hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 có nội dung điều chỉnh bậc lương, hệ số lương, bảo hiểm xã hội theo hướng có lợi cho bị đơn và thực tế các bên thực hiện theo hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012, không còn thực hiện theo hợp đồng làm việc 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010. Việc ký hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 04 tháng là do các bên thỏa thuận, để phù hợp nhu cầu vị trí việc làm của Trung tâm. Sau khi các bên tự nguyện ký các hợp đồng làm việc trên, nguyên đơn cũng không có ý kiến phản đối gì. Trước khi ra quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016, Trung tâm có cuộc họp với toàn thể giảng viên tại đơn vị vào ngày 17 tháng 10 năm 2015 thông báo sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không ký tiếp hợp đồng lao động với nguyên đơn nhưng do nguyên đơn đã có đóng góp cho Trung tâm nên Trung tâm vẫn tạo điều kiện cho nguyên đơn tiếp tục làm việc nhằm hỗ trợ chế độ tết cho nguyên đơn. Ngoài làm việc tại Trung tâm, nguyên đơn ông C còn làm việc tại chỗ khác và có tham gia bảo hiểm xã hội ở chỗ khác.

- Ông Nguyễn Thế T3 là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày: Trước đây, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã đồng ý thỏa thuận giải quyết vụ việc theo cách thức là Trung tâm hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng nhưng sau khi nhận tiền thì phía nguyên đơn trả lại số tiền này cho bị đơn. Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 được các bên thỏa thuận tự nguyện ký và thực hiện là để thay thế hợp đồng làm việc 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010 vì cả hai hợp đồng đều là không xác định thời hạn, chỉ khác về bậc lương, hệ số lương, bảo hiểm xã hội theo hướng có lợi cho nguyên đơn. Phía bị đơn xác nhận mức lương trung bình 06 tháng liền kề trước khi nghỉ việc của ông C là 8.678.091 đồng. Trung tâm có xác nhận thời hạn làm việc của nguyên đơn tại Trung tâm trên đơn ghi ngày 25 tháng 02 năm 2016 theo yêu cầu của nguyên đơn là xuất phát từ việc tri ân nguyên đơn đã cộng tác lâu năm. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở nên bị đơn không đồng ý.

- Bà Lê Thị Tuyết V là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 được các bên thỏa thuận tự nguyện ký và thực hiện là để thay thế hợp đồng làm việc 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30 tháng 12 năm 2010. Tương tự, hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 được ký kết cũng do các bên tự thỏa thuận ký kết, thay thế Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28 tháng 12 năm 2012 vì cùng một thực hiện công việc giảng dạy tiếng H thì không thể có hai hợp đồng làm việc cùng tồn tại độc lập.

Trung tâm thực hiện trả lương cho nguyên đơn căn cứ vào số lượng tiết học đã giảng dạy tại Trung tâm, bằng hình thức đưa tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản số 0331003740632 của nguyên đơn mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1. Ông C làm việc tại 2 nơi khác nhau, chỉ giảng dạy tiếng Hoa ở Trung tâm vào các buổi tối, còn ban ngày thì làm việc chỗ khác nên không đáp ứng điều kiện về giảng viên cơ hữu của Trung tâm. Việc ký hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 có thời hạn 04 tháng là do các bên thỏa thuận ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 36, 38, 42 của Bộ luật lao động năm 2012, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Phú C, tuyên bố Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 12 năm 2016 của bị đơn là Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Tiếng H là đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với 02 tháng tiền lương và bồi thường 18 ngày vi phạm thời hạn báo trước như yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường đối với Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015. Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường tiền nghỉ phép năm do nguyên đơn đã tự nguyện rút đơn. Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 09/2023/LĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 22, 25, 35, 36, 38, 41 và 42 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phú C:

- Tuyên bố Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Trung tâm G là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 giữa ông Vũ Phú C và Trung tâm G chấm dứt kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2017.

- Buộc Trung tâm G có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Phú C số tiền là 178.768.674 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi bốn đồng), bao gồm: tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc là 156.205.638 đồng cộng với 02 tháng tiền lương là 17.356.182 đồng, bồi thường 18 ngày vi phạm thời thời hạn báo trước là 5.206.854 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phú C về việc yêu cầu Trung tâm G bồi thường đối với Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phú C về yêu cầu Trung tâm G trả tiền nghỉ phép năm chưa được nghỉ tính từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 5 năm 2020 là 13 năm 10 tháng tương đương 174 ngày nghỉ hưởng nguyên lương: 9.000.000 đồng/30 ngày x 174 ngày = 46.980.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 09/10/2023, nguyên đơn ông Vũ Phú C nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; Ngày 13/10/2023, bị đơn là Trung tâm G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể yêu cầu kháng cáo như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn hủy Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11/8/2015 của Trung tâm G (sau đây ghi tắt là "Trung Tâm") và buộc Trung tâm phải bồi thường các khoản quyền lợi vật chất từ ngày 01/3/2016 đến ngày 26/9/2023 tổng cộng là: 788.549.202 đồng + 13.017.156 đồng = 801.566.338 đồng. Lý do: Như đã lập luận tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn xác định Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11/8/2015 và Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016 của Trung tâm về việc chấm dứt hợp đồng làm việc với nguyên đơn là trái pháp luật, quan hệ lao động của ông Vũ Phú C với Trung tâm là không xác định thời hạn, Trung tâm chấm dứt hợp đồng lao động với ông không có căn cứ vì giữa hai bên vẫn còn tồn tại hợp đồng làm việc số 02 ngày 28/12/2012 không xác định thời hạn nhưng Trung tâm đã chấm dứt hợp đồng lao động với ông C từ ngày 01/3/2016 là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Nguyên đơn không kháng cáo các nội dung khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần kháng cáo của nguyên đơn đã nêu, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Trung tâm phải thi hành các khoản trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016 của Trung tâm chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là trái pháp luật nên Trung tâm phải bồi thường cho ông C là không đúng bản chất sự việc vì Trung tâm đã có thông báo không tiếp tục ký kết hợp đồng lao động với ông C sau ngày 31/12/2016 (ngày hết hạn hợp đồng lao động), được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Sư phạm tháng 10/2015 của toàn thể Trung tâm trong đó có ông C tham dự họp và không có ý kiến phản đối.

Ngoài ra, sau ngày 31/12/2016 là những ngày cuối năm nên vẫn để ông C tiếp tục thỉnh giảng để nhận tiền thưởng cuối năm đồng thời Trung tâm nghỉ Tết từ ngày 25/01/2016 đến ngày 23/02/2016. Ngày 18/02/2016, Trung Tâm ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C và ông C không có phản đối gì đối với Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016. Hơn nữa, đến tháng 7/2017 ông C mới khởi kiện bổ sung đối với Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016 nên yêu cầu khởi kiện bổ sung này đã hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, Trung tâm chấm dứt hợp đồng lao động với ông C theo Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016 kể từ ngày 01/3/2016 là không trái pháp luật nên không phải bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận vì Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật, đề nghị giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm. Đề nghị xem xét lại mức tiền thù lao thỉnh giảng hàng tháng của ông C.

- Phía nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trung tâm ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn quá 30 (ba mươi) ngày sau ngày hết hạn hợp đồng lao động là không đúng quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 22 Bộ luật Lao động năm 2012 nên Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015 có thời hạn 04 tháng trở thành hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng. Do đó, Trung tâm đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật và phải bồi thường như án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung kháng cáo của các đương sự:

- Kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở nhưng có căn cứ tính lại mức tiền thù lao để áp dụng bồi thường cho nguyên đơn do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm phần này trên cơ sở mức thù lao hàng tháng là: 5.025.000 đồng/tháng. Đồng thời, điều chỉnh lại án phí sơ thẩm Trung tâm phải chịu.

- Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức:

Ngày 29/9/2012, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 09/10/2023, nguyên đơn ông Vũ Phú C nộp đơn kháng

cáo một phần bản án sơ thẩm. Ngày 13/10/2023, bị đơn Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn kháng cáo đều trong hạn qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm (bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm).

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Phú C về nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định Trung tâm đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11/8/2015. Yêu cầu hủy Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11/8/2015, buộc Trung tâm phải bồi thường các khoản quyền lợi vật chất từ ngày 01/3/2016 đến ngày 26/9/2023 tổng cộng là: 801.566.338 đồng.

Xét: Căn cứ các Hợp đồng làm việc và Hợp đồng lao động gồm:

- Hợp đồng làm việc số 06/GDTXTH/HD2010 ngày 30/12/2009 có thời hạn 12 tháng kể từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010;

- Hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30/12/2010, không xác định thời hạn;

- Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28/12/2012, không xác định thời hạn;

- Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015, có thời hạn bốn tháng kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/12/2015.

Căn cứ Xác nhận thời gian giảng dạy ngày 25/02/2016 (Bút lục số 76) thể hiện ông C làm việc tại Trung tâm liên tục không có thời gian bị chấm dứt làm việc (giảng dạy) từ tháng 10/2006 đến tháng 9/2015 (là giảng viên) và từ tháng 9/2015 đến ngày 29/02/2016 (là giáo viên thỉnh giảng). Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015. Xác định ông C và Trung tâm ký kết các hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động là đúng các quy định của pháp luật lao động.

Việc Trung tâm ra Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11/8/2015 để chấm dứt Hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30/12/2010 kể từ ngày 01/9/2015 là không cần thiết vì trên thực tế giữa ông C với Trung tâm đang thực hiện Hợp đồng làm việc số 02/GDTXTH/HD2013 ngày 28/12/2012, hợp đồng này không xác định thời hạn và có quyền lợi vật chất cao hơn Hợp đồng làm việc số 05/GDTXTH/HD2011 ngày 30/12/2010. Căn cứ trên thực tế thì ông C không bị chấm dứt việc làm theo hợp đồng làm việc ngày nào mà vẫn tiếp tục làm việc liên tục đến

ngày 01/9/2015 thì tiếp tục thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015 với Trung tâm có thời hạn 04 tháng. Ông C chỉ bị Trung tâm chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016, kể từ ngày 01/3/2016.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật để xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Phú C về việc đòi bồi thường do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11/8/2015 của Trung tâm G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm nguyên đơn không kháng cáo nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn Trung tâm G về việc không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông C trái pháp luật theo Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016:

Căn cứ Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015, có thời hạn bốn tháng kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/12/2015;

Căn cứ Xác nhận thời gian giảng dạy ngày 25/02/2016 (Bút lục số 76);

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18/02/2016

Xác định sau khi hết hạn Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015, ông C vẫn tiếp tục thỉnh giảng theo Hợp đồng lao động và được trả lương đến hết tháng 01/2016. Căn cứ các qui định tại điểm c khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 22, Điều 36 và Điều 38 của Bộ luật Lao động năm 2012, xác định Trung tâm đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là trái pháp luật. Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015 của ông C được tính là 24 tháng kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2017. Do đó, Trung tâm phải bồi thường cho ông C theo qui định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 như bản án sơ thẩm nhận định và đánh giá chứng cứ là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác định ông C đang là giáo viên thỉnh giảng vào các buổi tối trong tuần và xác định tối thiểu mỗi tháng ông C giảng dạy 75 tiết và tiền thù lao thỉnh giảng là 67.000 đồng/tiết và được cộng thêm các phụ cấp khác. Xét tại cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn căn cứ sao kê lương (thù lao) của 06 tháng liền kề trước khi ông C nghỉ việc để xác định tiền bồi thường của Trung tâm là 8.678.091 đồng/tháng là chưa đúng với các quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012, Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động và Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015: "Tiền lương làm căn cứ bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Khoản 5

Điều 42 hoặc Khoản 2 Điều 43 của Bộ luật lao động là tiền lương theo hợp đồng lao động tại thời điểm người sử dụng lao động hoặc người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật". Bởi lẽ tiền lương thực nhận của ông C bao gồm các khoản phụ cấp ngoài lương, không được tính là tiền để bồi thường khi chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015, 2016 của Trung tâm, Hợp đồng lao động số 12/GDTHXH/TG2015 ngày 30/8/2015 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để tính lại tiền lương để bồi thường như sau: Thời gian ông C thỉnh giảng là các buổi tối từ 17 giờ 30 phút đến 21 giờ 10 phút. Do đó mỗi tháng trung bình ông C thỉnh giảng 75 tiết, tiền thù lao thỉnh giảng là: 67.000 đồng/tiết x 75 tiết = 5.025.000 đồng/tháng.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và tính lại tiền Trung tâm phải bồi thường và trả cho ông C như sau:

- Tiền thù lao những ngày không được làm việc từ ngày 01/3/2016 đến ngày 31/8/2017 (18 tháng) là: 90.450.000 đồng;

- Tiền do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, tương đương 02 tháng thù lao là: 10.050.000 đồng;

- Tiền 18 ngày vi phạm thời gian báo trước là: 3.015.000 đồng.

Tổng cộng: 103.515.000 đồng.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm bị đơn không kháng cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử tính lại mức án phí sơ thẩm Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa phải chịu. Ông C được miễn án phí sơ thẩm.

[4] Án phí phúc thẩm: Ông C được miễn án phí phúc thẩm. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng H được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp do được chấp nhận một phần kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Phú C;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trung tâm G. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số 09/2023/LĐ-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân quận 5,

Thành phố Hồ Chí Minh. 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phú C:

- Tuyên bố Quyết định số 04/QĐ-GDTX.TH ngày 18 tháng 02 năm 2016 của Trung tâm G là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- Hợp đồng lao động số 12/GDTXTH/TG2015 ngày 30 tháng 8 năm 2015 giữa ông Vũ Phú C và Trung tâm G chấm dứt kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2017.

- Buộc Trung tâm G có trách nhiệm trả cho ông Vũ Phú C số tiền là 103.515.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng), bao gồm: tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc là 90.450.000 đồng cộng với 02 tháng tiền lương là 10.050.000 đồng, bồi thường 18 ngày vi phạm thời thời hạn báo trước là 3.015.000 đồng do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Thực hiện trả số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phú C về việc yêu cầu Trung tâm G bồi thường đối với Quyết định số 73/QĐ-GDTX.TH ngày 11 tháng 8 năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phú C về yêu cầu Trung tâm G trả tiền nghỉ phép năm chưa được nghỉ tính từ tháng 10 năm 2006 đến tháng 5 năm 2020 là 13 năm 10 tháng tương đương 174 ngày nghỉ hưởng nguyên lương: 9.000.000 đồng/30 ngày x 174 ngày = 46.980.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Vũ Phú C được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm.

Trung tâm G chịu án phí lao động sơ thẩm là 3.105.450 đồng (ba triệu một trăm lẻ năm nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

5. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Vũ Phú C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí lao động phúc thẩm. Trung tâm G không phải chịu án phí lao động phúc thẩm, trả lại cho Trung tâm G số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do Trung tâm G đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0010849 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 5;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng